

PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC VẬN DỤNG PHONG CÁCH ĐÓ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

*Vũ Trọng Dung **

Có thể nói, việc nghiên cứu phong cách tư duy của Hồ Chí Minh là vấn đề vô cùng khó, bởi vì một mặt, ngay từ đầu đã thấy ở Hồ Chí Minh sự thống nhất giữa “tri” và “hành”, nên những suy nghĩ và hành động thấm sâu vào cách ứng xử giữa con người với con người trong xã hội và với đường lối cách mạng; mặt khác Người không chủ trương lập ngôn, tạo dựng cho mình một lý thuyết về triết lý cuộc đời, về xã hội mà tất cả phong cách tư duy ấy thấm sâu vào hành động cụ thể và nhất mực một mục tiêu là làm sao cho nước nhà độc lập, đồng bào được tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, xã hội tiến bộ và hạnh phúc, cho nên theo chúng tôi phong cách tư duy Hồ Chí Minh chính là sự thể hiện trong tư tưởng của Người. Tư tưởng đó được thể hiện ở những bài viết, bài nói, các tác phẩm, cũng như trong hoạt động thực tiễn của Người trong quá trình hoạt động cách mạng. Qua đó, chúng ta có thể vận dụng phong cách đó như thế nào trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

1. Về phong cách tư duy Hồ Chí Minh

Theo cách tiếp cận của chúng tôi, có thể khái quát phong cách tư duy Hồ Chí Minh ở những nét lớn sau:

Một là, tư duy Hồ Chí Minh là tư duy độc lập, vượt lên trên mọi thành kiến tư tưởng

Có thể nói, nét đặc sắc nhất của phong cách tư duy Hồ Chí Minh là tinh thần *độc lập, tự chủ và sáng tạo*. Đối với Hồ Chí Minh, độc lập là không lệ thuộc, không phụ thuộc, không bắt chước, không theo đuôi; tự chủ là tự mình làm chủ suy nghĩ của mình, làm chủ bản thân và công việc của mình, tự mình thấy trách nhiệm trước đất nước và dân tộc; *sáng tạo* là sẵn sàng từ bỏ những cái cũ đã được thực tiễn kiểm nghiệm là không đúng, những gì là lạc hậu, lỗi thời, những cái cũ đã đúng trước kia nhưng đến nay không còn phù hợp; tìm tòi, đề xuất những

cái mới có thể trả lời được những câu hỏi mà cuộc sống đang đặt ra. Cái mới có bao hàm những giá trị của cái cũ, nhưng lại vượt lên trên cái cũ, bổ sung thêm những giá trị mới. Cái mới sáng tạo ở Hồ Chí Minh là cái mới phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam, cũng như phù hợp với quy luật phát triển chung của xã hội. Mặt khác, nhờ tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra những quy luật của cách mạng Việt Nam.

Tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo đã được hình thành trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh từ rất sớm, từ thuở thiếu thời và lúc Người mới bước vào tuổi thanh niên. Khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Hồ Chí Minh càng được nâng cao và đã trở thành đặc điểm, thành thuộc tính bền vững của phong cách

* PGS.TS. Trường Khoa Triết học, Học viện chính trị-Hành chính Quốc gia.Khu vực I

tư duy trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Tính độc lập của tư duy đã giúp Hồ Chí Minh sớm đi đến những nhận định độc lập, ngay từ năm 1921, Hồ Chí Minh đã phủ nhận ý kiến cho rằng vì giai cấp vô sản Đông Dương chưa phát triển nên Đông Dương chưa có thể tiếp thu được chủ nghĩa cộng sản, Người viết: “Do lịch sử cho phép, chủ nghĩa Cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á hơn là châu Âu”. Chúng ta còn có thể tìm thấy hàng loạt các sự kiện khác, chứng tỏ đối với bất cứ vấn đề gì, bao giờ Bác cũng giữ được một cách nhìn mới mẻ trong sáng, *một cách nghĩ độc lập, tự chủ vững vàng*.

Khi mới đặt chân lên đất Pháp, Người đã phát hiện thấy hai nước Pháp: một nước Pháp của những kẻ giàu có, của bọn tư bản đế quốc thực dân và một nước Pháp của những người vô sản, những người lao động nghèo khổ. Khi đến Mỹ, không giống như nhiều người khác chỉ thấy ánh sáng trên đầu thân Tự do toả sáng, Người còn thấy số phận của những người da đen, những phụ nữ đang bị giẫm đạp dưới chân vị thần ấy. Khi đến Đaca và các nước thuộc địa ở châu Phi, trước những cảnh bọn thực dân Pháp coi thường mạng sống của những người da đen, Người không bàng quan như nhiều người khác, mà đã đi đến nhận định: “Đối với bọn thực dân tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu”¹. Khi đến Anh, ông Etcôpphia khuyên Người hãy tạm gác ý nghĩ cách mạng lại một bên để học lấy cách làm bếp, kiếm được nhiều tiền, nhưng Người lại suy nghĩ hoàn toàn khác. Trước cái chết của ông thị trưởng Coóc - một nhà đại ái quốc Aixôlen, Người đã trao đổi suy nghĩ của mình với một người đồng hương:

“Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng”². “Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ là bất diệt”³.

Tư duy độc lập, tự chủ của Hồ Chí Minh đã làm cho suy nghĩ của Người rất nhanh chóng có sự khác biệt so với suy nghĩ của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường về con đường cứu nước, tuy cả ba người đều có tấm lòng yêu nước sâu nặng. Khi đã cùng gặp nhau ở Pari, các ông đã có nhiều cuộc tranh luận thâu đêm. Cuối cùng, Hồ Chí Minh là người tán thành Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga. Còn Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường thì dừng lại ở con đường cải lương, mà chính các ông sau này đã thừa nhận thất bại.

Hai là, tư duy Hồ Chí Minh là sự kế thừa, phát triển tư duy nhân loại đạt đỉnh cao trí tuệ trở thành phương pháp tư duy nhằm giải quyết những đòi hỏi thực tiễn

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã theo học Nho giáo, tiếp cận Phật giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, làm quen với tư tưởng của các nhà Khai sáng và cách mạng tư sản Tây Âu. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người còn tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, thuyết bất hợp tác, bất bạo động của Găngđi - hai nhà tư tưởng lớn của hai quốc gia lớn nhất châu Á.

Quá trình tư duy của Người là quá trình suy ngẫm, so sánh, lọc bỏ, lựa chọn, phân biệt đúng sai, hay dở, tiến bộ hay lạc hậu, phù hợp hay không phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Khi đến với chủ nghĩa

¹ Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh, Nxb CTQG, Nxb. Thanh niên, H, 1994, tr.22.

² Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh, Nxb CTQG, Nxb. Thanh niên, H, 1994, tr.27-28.

³ Sdd tr.27-28

Mác - Lênin. Người đã nhanh chóng nắm bắt được linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin là phép biện chứng duy vật, tiếp nhận lập trường, quan điểm và phương pháp vừa cách mạng, vừa khoa học của học thuyết ấy. Từ đó, tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo của Hồ Chí Minh vừa quán triệt tinh thần cách mạng triệt để, vừa có cơ sở khoa học chắc chắn. Chính vì vậy, Người thấy rất rõ học thuyết của đức Phật, của Chúa Giêsu hay của Khổng Tử đều không phải là những học thuyết cách mạng. Những học thuyết ấy rất giàu tình yêu thương con người, nhưng chỉ khuyên con người cam chịu hoặc chỉ muốn cho xã hội ổn định trong trật tự đương thời (nô lệ, phong kiến), có khi còn “phát ngôn bênh vực những kẻ bóc lột chống lại những người bị áp bức”. Tuy nhiên, Người vẫn đánh giá cao đức từ bi của Phật, lòng bác ái của Chúa Giêsu, đạo đức học vấn và kiến thức uyên bác của Khổng Tử, mà Người coi đó là “những vị chí tôn” rất đáng kính phục.

Trên tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, tư duy Hồ Chí Minh thực sự có bước phát triển nhảy vọt khi Người bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đây, độc lập, tự chủ mới thực sự đi đến sáng tạo. Cũng từ đây, trình độ tư duy của Người đã đạt đến độ chín để có thể đối chiếu, so sánh, lựa chọn, chất lọc và tổng hợp những cứ liệu mà thực tiễn Việt Nam và thế giới đã cung cấp, những kinh nghiệm mà cuộc sống đã đem lại, những tư tưởng của những người đi trước đã gợi mở, để từ đó đi đến những kết luận mới, những tư tưởng mới.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy ánh sáng soi đường, trước hết cho hoạt động tư duy của mình. Học thuyết cách mạng và khoa học ấy mở ra

chân trời rộng lớn cho sự sáng tạo và đòi hỏi những người tiếp nhận nó phải sáng tạo. Tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo của Hồ Chí Minh đã nhanh chóng hoà nhập với tính cách mạng triệt để và tính khoa học chặt chẽ của chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận và phương pháp luận của một học thuyết “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”, từ đó, từng bước xác lập cả một hệ thống tư tưởng, luận điểm sáng tạo ít thấy ở những nhà cách mạng đương thời. Tư tưởng Hồ Chí Minh bao trùm toàn bộ những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam, từ đường lối đến phương pháp cách mạng; từ chiến lược đến sách lược; từ xây dựng Đảng lãnh đạo đến xây dựng mặt trận đại đoàn kết dân tộc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; từ xây dựng kinh tế, chính trị đến văn hoá, xã hội, đạo đức con người. Đó là tư tưởng đoàn kết quốc tế, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn dân tộc Việt Nam với thời đại, kết hợp lực lượng bên trong và bên ngoài, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn của cách mạng Việt Nam. Chính phong cách tư duy như vậy, thế giới đã coi tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ tư tưởng của phong trào giải phóng dân tộc. Nhiều người khẳng định có một chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Tổ chức UNESCO đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh là “hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”.

Từ nhiều năm trước, thế giới đã thừa nhận Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước vĩ đại, một nhà hoạt động lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đến cuối thế kỷ XX,

thế giới lại suy tôn Người là Anh hùng giải phóng dân tộc và là Danh nhân văn hoá thế giới, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Đối với những người mácxít, Hồ Chí Minh là một trong số rất ít lãnh tụ cách mạng trong thế kỷ XX đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều mặt. Điều quan trọng nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc kiểm nghiệm, khẳng định.

Ba là, tư duy Hồ Chí Minh là tư duy hành động (tri - hành hợp nhất) và xa lạ với những giáo điều trong tư tưởng

Tư duy lành mạnh tự nó bao giờ cũng hướng tới hành động cải tạo hiện thực, nhưng vấn đề là ở chỗ người ta có tự giác về điều đó không, người ta có xem đó là một nguyên tắc phải thường xuyên tuân theo hay không? Chính C.Mác đã từng chỉ rõ một trong những hạn chế lớn của các nhà triết học trước kia là chưa chú ý tới vấn đề cải tạo thế giới. “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới. Chính Hồ Chí Minh, trong Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản (1924), đã phê phán nghiêm khắc khuynh hướng thiếu quan tâm giúp đỡ phong trào cách mạng thuộc địa của các Đảng “chính quốc”. Người nói: *“Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào Viện bảo tàng thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể”*.

Trong bài “Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa”, Hồ Chí Minh cũng phân tích rõ tính phổ biến và tính đặc thù của mỗi thuộc địa. Điều đó chứng tỏ Người nắm rất vững phương pháp phân tích mácxít và đó là điều

kiện quyết định nhất để vận dụng lý luận vào thực tiễn cách mạng. Chúng ta còn có thể dẫn ra nhiều ví dụ khác để minh hoạ luận điểm này. Những điều đó, chúng tỏ rằng, Hồ Chí Minh luôn luôn nắm vững quy luật phát sinh, phát triển khách quan của lịch sử, và đã áp dụng nó vào khoa học lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng một cách sắc bén, linh hoạt, đạt tới trình độ điêu luyện. Chính vì lẽ đó nên có thể thấy rằng, tư duy Hồ Chí Minh không phải chỉ dừng lại ở chỗ tìm thấy con đường cứu nước, mà còn đề cập đến những nội dung về cách thực hiện thắng lợi con đường đã lựa chọn.

Cũng chính phong cách tư duy đã trở thành phương pháp như vậy nên hoàn toàn xa lạ với những gì xơ cứng, giáo điều. Suốt cuộc đời, Người là học trò của C.Mác, V.I.Lênin, nhưng Người đặt vấn đề học tập chủ nghĩa Mác - Lênin rất rõ ràng: đó là học tập tinh thần cách mạng và khoa học, là nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam, để xử trí mọi việc. Người không tự trói mình, cũng không trói người khác hoặc để người khác trói mình vào những câu chữ chết cứng.

Bằng phong cách tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, Người đã đi đến những tư tưởng lớn, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều mặt và đã nâng tư tưởng Việt Nam lên một tầm cao mới, đưa trí tuệ Việt Nam lên ngang hàng trí tuệ tiên phong của thời đại. Chỉ cần nghiên cứu một số luận điểm đã được Hồ Chí Minh nêu ra từ rất sớm cũng có thể thấy rõ điều đó.

Với tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, với vốn hiểu biết thực tiễn vô cùng phong phú,

đặc biệt với việc nắm bắt được lập trường quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, với bản lĩnh vững vàng và tinh thần dũng cảm của một người cách mạng chân chính, một nhà tư tưởng mở đường cho dân tộc mình và cho phong trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm mới hoàn toàn đúng đắn và cực kỳ táo bạo:

- “Xã hội Ấn Độ - China - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời Cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”⁴.

- “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁵.

- “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”.

“... Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản...”

... Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới Xô viết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”.

- “C.Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà

châu Âu là gì? Đó chưa phải toàn thể nhân loại”.

- “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô viết đảm nhiệm...”⁶.

Đọc lại những luận điểm ấy, chúng ta không khỏi ngạc nhiên trước một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo. Tư duy của Hồ Chí Minh cũng hoàn toàn phù hợp với điều mục Lênin đã nhắc nhở những người mácxít: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho một môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”⁷.

Phong cách tư duy như vậy, đã đưa đến những tư tưởng phản ánh đúng cuộc sống, phản ánh đúng quy luật vận động và phát triển của cuộc sống, vì vậy, những tư tưởng ấy không lạc hậu, mà đã mở đường cho cuộc sống đi lên phía trước.

2. Vận dụng phong cách tư duy Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

Thành quả sau 25 năm đổi mới vừa qua chính là Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước ta. Điều đó chứng tỏ trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã thấm nhuần phong cách tư duy của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong những bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, cụ thể là thời kỳ trước đổi mới, Đảng ta cũng thẳng thắn thừa nhận: “Trong lĩnh vực *tư tưởng*, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 1995, t.1, tr.465.

⁵ Hồ Chí Minh: Sdd, tr.36, 465-467.

⁶ Hồ Chí Minh: Sdd, tr.36, 465-467.

⁷ V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiên Bội, Matxcova, 1974, t.4, tr.232.

vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ...”⁸. Đặc biệt là “trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu”⁹. Vì thế, một yêu cầu cấp bách hiện nay đối với chúng ta là phải đổi mới nhận thức, khắc phục sự lạc hậu trong tư duy. Để làm được điều đó trong điều kiện hiện nay chúng ta chỉ có thể nghiên cứu, vận dụng có hiệu quả lý luận Mác- Lênin, tư tưởng và phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Cụ thể là:

Một là, khắc phục tư duy kinh nghiệm

Có thể nói với điểm xuất phát là nước nông nghiệp lạc hậu, những cán bộ, đảng viên phần lớn xuất thân từ môi trường nông dân. Họ đã trải qua trường học cách mạng lớn lao, tích lũy được những kinh nghiệm thực tiễn phong phú, nhưng nhiều người chưa có khả năng nghiên cứu lý luận một cách có hệ thống, chưa quen phân tích sự kiện và khái quát kinh nghiệm của mình, còn dừng lại ở trình độ tư duy kinh nghiệm, chưa đạt đến trình độ tư duy lý luận. Nhận thức được tính đặc thù này, trong quá trình hoạt động cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của căn bệnh này trong đội ngũ cán bộ đó là: “chỉ bo bo giữ lấy kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng lý luận rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng. Vì vậy, họ cứ cầm đầu nhắm mắt mà làm, không hiểu rõ toàn cuộc của cách mạng”¹⁰. Những cán bộ ấy quen rằng, “kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi. Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ”¹¹. Thực chất là họ

không hiểu vai trò của lý luận đối với thực tiễn. Theo Hồ Chí Minh, lý luận có vai trò hết sức to lớn đối với thực tiễn, lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi. “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp”¹². Làm mò mẫm chính là biểu hiện của bệnh kinh nghiệm. Kém lý luận, kinh nghiệm thường lý luận không chỉ dẫn tới bệnh kinh nghiệm mà còn dẫn tới bệnh giáo điều. Bởi lẽ, do kém lý luận, kinh nghiệm lý luận nên không hiểu thực chất lý luận, chỉ thuộc câu chữ lý luận và do đó cũng không thể hiểu được bản chất những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh. Do đó, không vận dụng được lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh. Nếu có vận dụng thì cũng không sát thực tế, không phù hợp với thực tiễn. Khẳng định này đúng với tinh thần của các nhà kinh điển, Ph. Ăngghen đã viết: “Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận... Những phương pháp kinh nghiệm trở nên bất lực, chỉ có tư duy lý luận mới có thể giúp ích được... Sự kính trọng lý luận là con đường chắc chắn nhất đưa chúng ta đến chỗ suy nghĩ theo lối tự nhiên chủ nghĩa, tức là suy nghĩ sai”¹³. Chính vì thế, lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta đang cần có lý luận đúng đắn soi đường - một lý luận tiên phong của đảng tiên phong. Lý luận đó có nhiệm vụ phải giải thích đúng đắn những vấn đề lý luận cơ bản về xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết là những vấn đề kinh tế, theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh và theo tinh thần đổi mới tư duy của Đại hội lần thứ VI

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr.26.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr.132

¹⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 6, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 247.

¹¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 5, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 234.

¹² Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 6, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 47.

¹³ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, t.20, tr.487, 489, 508.

của Đảng.

Hai là, khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí

Một trong căn bệnh mà chúng ta đã mắc phải trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đó là “*bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan*”¹⁴.

Ở nước ta, bệnh chủ quan, duy ý chí đã từng thể hiện ở chỗ đánh giá tình hình thiếu khách quan, say sưa với thắng lợi, không thấy hết khó khăn, phức tạp, không tính toán xác định đất nước đang ở giai đoạn nào của sự phát triển xã hội, vạch ra các mục tiêu quá cao, vượt qua khả năng thực hiện, thích dùng những biện pháp duy ý chí trong kinh tế, coi thường việc khuyến khích lợi ích vật chất, cường điệu động lực tinh thần, muốn bỏ qua các giai đoạn tất yếu để tiến hành, không tôn trọng các quy luật khách quan v.v... Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nếu cường điệu tính tự giác và vai trò của nhân tố chủ quan, của kiến trúc thượng tầng và của ý thức xã hội đến mức xa rời các nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật, thì dễ dàng sẽ bị trượt một cách không tự giác sang lập trường của chủ nghĩa duy tâm và có thể dẫn đến chỗ làm đảo ngược chủ nghĩa xã hội từ khoa học thành không tưởng.

Sự hình thành và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa cũng như của mọi xã hội, là một quá trình lịch sử - tự nhiên, tuân theo những quy luật khách quan. Vì vậy, nếu con người có ý định chèo lái quá trình lịch sử theo ý muốn chủ quan của mình hay muốn dùng mệnh lệnh để xóa bỏ các giai đoạn phát triển tự nhiên của nó thì không tránh

khỏi “sự trở trêu của lịch sử”. Không phải ngẫu nhiên mà các đảng cộng sản sau một thời gian lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước mình đều rút ra một bài học giống nhau là không thể “đốt cháy” giai đoạn bằng nguyện vọng chủ quan, không thể giải quyết các nhiệm vụ bằng phương pháp duy ý chí, mà phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, phải xuất phát từ thực tế khách quan. Con người làm ra lịch sử của mình, nhưng không thể hành động tùy tiện, bất chấp quy luật. Tự do của con người là ở chỗ nhận thức được tính tất yếu và hành động đúng với cái tất yếu. Bài học sơ đẳng nhất đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lại thường bị lãng quên trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ba là, quán triệt tinh thần đổi mới, sáng tạo phù hợp yêu cầu biến đổi của thực tiễn

Áp dụng phương pháp biện chứng duy vật trong nghiên cứu xã hội, đặc biệt là nghiên cứu sự vận động và phát triển của xã hội tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu lên những dự đoán về xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Hai ông đã có công biến chủ nghĩa xã hội vốn là học thuyết không tưởng thành học thuyết có cơ sở khoa học. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử hạn chế thời bấy giờ, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ có thể dự đoán những nét chủ yếu, chứ không thể nêu lên một cách chi tiết những quan niệm của mình về tương lai. Hơn nữa, những dự đoán ấy được hình thành chủ yếu trên cơ sở nghiên cứu hiện thực của xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển tương đối cao ở một số nước Tây Âu. Cần phải nhấn mạnh điều đó để chúng ta có thái độ xử lý đúng “mô hình” lý luận của Mác về

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Sdd, tr.25.

chủ nghĩa xã hội với thực tiễn hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tinh thần này cũng một lần nữa được V.I.Lênin nhắc nhở, người mácxít phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của *hiện thực*, chứ không nên tiếp tục bám lấy cái lý luận ngày hôm qua, lý luận này cũng như mọi lý luận, bất quá chỉ vạch ra được nét căn bản, nét chung, chỉ tới chỗ nắm được tính chất phức tạp của cuộc sống mà thôi.

Kế thừa học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng một cách sáng tạo vào đặc điểm tình hình thực tế của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đưa ra mô hình chủ nghĩa xã hội gắn với tình hình cụ thể đó là: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no, hạnh phúc” “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần được bỏ” “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”... Tóm lại, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội làm sao cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Với tinh thần này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy tụ được sức mạnh toàn dân tộc thực hiện mục tiêu đã đề ra. Đây cũng thể hiện phong cách tư duy luôn đổi mới gắn với yêu cầu thực tiễn của Người.

Từ phong cách và phương pháp tư duy như vậy đặt ra cho chúng ta nhận thức về chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống, nó là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng

nhân dân. Vì thế không nên quan niệm thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội là việc gò ép, mà phải điều chỉnh thực tế sinh động, phong phú cho phù hợp với những tư tưởng, những khái niệm và công thức được đưa ra một lần và được coi là vĩnh viễn. Quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội là sai lầm và có hại cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Kinh nghiệm đã chỉ rõ cho chúng ta thấy rằng, không thể quan niệm chủ nghĩa xã hội là một xã hội cứng nhắc, bất biến nào đó. Chủ nghĩa xã hội hiện thực luôn luôn phát triển, do đó quan niệm về nó phải được phát triển. Cần phải từ bỏ quan niệm về một bản chất cứng nhắc, không thay đổi của chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước càng được mở rộng thì lý luận về chủ nghĩa xã hội càng trở nên phong phú hơn. Muốn áp dụng lý luận đó một cách có kết quả vào thực tế đang không ngừng biến đổi thì cần phải thường xuyên phát triển, bổ sung, hoàn thiện nó hơn nữa. Chính tư duy này tất yếu mỗi đảng cộng sản đều có trách nhiệm tìm ra con đường đi thích hợp với dân tộc và đất nước mình. Tất nhiên, việc tìm kiếm con đường tiến lên cho dân tộc không phải đơn giản, dễ dàng. Từ một học thuyết, chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện trên thực tế phần nhiều bằng phương pháp thử nghiệm có thành công và cũng có thất bại. Trên con đường quanh co đó không thể tránh khỏi vấp vấp và sai lầm, thậm chí có khi phải trả giá đắt. Thật là sai lầm nếu tưởng rằng các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã để lại mọi lời khuyên, mọi giải pháp cho những vấn đề cụ thể. Thật ra, lý luận Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội mới chỉ đặt nền móng cho một môn khoa học mà mỗi đảng cộng sản cần phải phát triển lý luận đó về mọi mặt.

Cũng thật là sai lầm nếu tưởng rằng có một “mô hình” chủ nghĩa xã hội nào đó mà tất cả các nước đều phải noi theo. Thật ra, không có và không thể có “mô hình” đó. Vì vậy, một bài học đáng ghi nhớ đối với chúng ta là

lúc nào có sáng tạo là có thành công, còn lúc nào tự biến mình thành tù binh bị trói buộc vào những giáo điều trong sách vở hay máy móc bắt chước làm theo nước ngoài là bị vấp vấp, thất bại.